

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày 21-01-2019

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Sáu;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phước Thị Kim Huê;

Bà Trần Thị Tím;

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Trần Văn Tấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2018/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2018 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp L, phường 4, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Hồng Văn Đ, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp Ng, xã A, huyện Tr, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2018 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Năm 1992 do quen biết trước nên chị và anh Hồng Văn Đ tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau được hai bên gia đình, tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới hai vợ chồng về sống chung bên chồng tại ấp Ng, xã A. Cuộc sống rất hạnh phúc, luôn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và có một đứa con tên Hồng Thị T, sinh năm 1993. Đến năm 2014 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, anh Đ hay chửi vợ, con. Đến năm 2015 vợ chồng đã ly thân cho đến nay, có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không thành. Cuộc sống vợ chồng bất đồng về quan điểm, tính tình không hợp, đời sống chung không thể kéo dài, không thể hàn gắn lại. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được.

Với lý do nêu trên, chị H yêu cầu Tòa án không công nhận chị với anh Hồng Văn Đ là vợ chồng; Về con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 28/12/2018 và quá trình tố tụng bị đơn anh Hồng Văn Đ trình bày: Anh thống nhất như đơn khởi kiện của vợ về vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Thời gian đầu cuộc sống của hai vợ chồng rất hạnh phúc nhưng do có mâu thuẫn nên từ năm 2015 vợ đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay, hai bên có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không thành. Về con chung đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung không có. Nay với yêu cầu ly hôn của vợ, yêu cầu không công nhận là quan hệ vợ chồng thì anh đồng ý.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra cũng như kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa cùng với việc xem xét toàn diện vụ án và yêu cầu giải quyết của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Trà Cú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 36; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Hồng Văn Đ tổ chức cưới vào năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ, chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã với nhau nên không có hạnh phúc. Vì không thể chung sống hòa thuận với nhau nên chị H và anh Đ đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Trong quá trình ly thân thì hai bên không quan tâm đến nhau và không còn tình cảm với nhau nữa. Do chị H và anh Đ chỉ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên cần xem xét giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Hồng Văn Đ.

Anh Hồng Văn Đ cũng đồng ý theo đơn khởi kiện của chị H, nhưng do các bên không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét để không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không có Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu theo quy định của pháp luật. Anh Hồng Văn Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 36; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 14; 57 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Hồng Văn Đ.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019334 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nộp xong.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Văn Sáu